

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2023/DS-PT
Ngày: 20/7/2023
Tranh chấp về dân sự
quyền sử dụng lối đi,
bồi thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Bà Huỳnh Kim Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Tỉnh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 và ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 399/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp dân sự về quyền sử dụng lối đi, tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2023/QĐ-PT ngày 01/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 166/2023/QĐPT-DS ngày 22/3/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 366/TB-TA ngày 03/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Hồng A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số A, đường C, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Minh T, sinh

năm 1988;

Địa chỉ: Số A, đường C, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Phước V, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số A, đường C, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Hoàng Đ – Công ty L3 chi nhánh Đ1 thuộc đoàn Luật sư thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số nhà A, Đường C, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A, Tổ C, Khóm D, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Hải Vân A, sinh 2009.

4. Nguyễn Hải V1, sinh năm 1987.

5. Bùi Thị Diệu L, sinh năm 1991.

6. Nguyễn Phương L1, sinh năm 2016.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Diệu L2, anh V1: Nguyễn Phước V, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Số A, đường C, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Đinh Khắc T2.

Địa chỉ: Đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số A, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

9. Nguyễn Thanh B, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

10. Nguyễn Thành T3, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số D, L, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

11. Ủy ban nhân dân thành phố C.

Địa chỉ: Số C, đường C, Phường A, thành phố C, Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Phan Thành M, chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Số A, ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T, ông V, bà C, bà T1, luật sư Đ có mặt tại phiên tòa; bà T1 vắng mặt tại tòa ngày 20/7/2023; ông T vắng mặt khi tuyên án; ông M có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Dương Hồng Â1 trình bày:

Năm 2018, anh Â1 nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Thị Ngọc T1 diện tích đất 102m², thuộc thửa 83, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Phường A, thành phố C, phần đất này giáp với đất của ông Nguyễn Phước Vĩnh. Phía sau đất anh Â1 có lối đi, cũng là lối thoát hiểm diện tích 4,8m² (ngang 1,2m, dài 4m), tiếp giáp nhà sau ông V, có nguồn gốc là của ông Nguyễn Thành V2 (cha ruột chị T1), trước khi chuyển nhượng cho anh Â1, gia đình ông V2 dùng làm lối đi từ cửa sau nhà đi ra bờ sông C để tắm, giặc từ năm 1975 cho đến năm 2016 ông V2 chết, khi ông V2 chết phần diện tích lối đi này do chị T1 quản lý, sử dụng làm lối đi chung cho đến khi chuyển nhượng cho anh Â1 năm 2018 thì chị T1 có làm “Tờ cam đoan thêm”, nội dung là cam kết để cho anh Â1 sử dụng lối đi chiều ngang 1,2m hình chữ L, nối từ cửa nhà sau anh Â1 đi ra bờ sông C trong đó có một phần 4,8m² (ngang 1,2m, dài 4m) tiếp giáp nhà ông V nêu trên. Anh Â1 tiếp tục quản lý sử dụng làm lối đi, không ai được xây dựng trên phần đất này.

Năm 1993, ông V2 chuyển nhượng diện tích đất thửa 81 cho ông V, không chuyển nhượng diện tích lối đi này, ông V2 vẫn tiếp tục sử dụng làm lối đi từ cửa sau nhà đi ra bờ sông C để tắm, giặc như từ trước đó. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ chị T1 vào tháng 10/2018, anh Â1 sử dụng lối đi này thì không ai ngăn cản hay tranh chấp. Đến tháng 12 năm 2018, ông V làm hàng rào phần đất lối đi nêu trên không cho anh Â1 đi lại, anh Â1 ngăn cản, phá vỡ hàng rào do ông V xây dựng.

Phần diện tích đất lối đi nêu trên ông V tự ý kê khai đăng ký để bổ sung vào thửa đất số 81 do ông V đứng tên quyền sử dụng đất nhưng gia đình anh Â1 đang quản lý, sử dụng lối đi thoát hiểm từ cửa nhà sau anh Â1 ra bờ sông C.

Theo đơn khởi kiện anh Â1 yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích 4,8m² (ngang 1,2m, dài 4m) thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Phường A, thành phố C, do ông V, bà C đứng tên quyền sử dụng; yêu cầu Tòa án công nhận cho anh Â1 và ông V cùng được tiếp tục quản lý, sử dụng lối đi diện tích tổng cộng 12,3m² trong phạm vi các mốc 3, 5, B, 7, 8, 9, 10, 11, 13 về mốc 3, theo sơ đồ đo đạc ngày 23/8/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa, do ông V xác định diện tích đất 2,5m² giáp đường đal bờ kè đã bị Nhà nước thu hồi, ông V không quản lý sử dụng, nên anh A1 (anh T đại diện) chỉ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông V, bà C diện tích 4,8m² tiếp giáp phía sau nhà ông V và công nhận cho anh A1 và ông V, bà C được sử dụng diện tích 9,8m² trong phạm vi các mốc 3, 5, B, 7, 8, 11A, 11, 12, 13 về mốc 3 theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/8/2019, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022, làm lối đi thoát hiểm. Rút một phần yêu cầu đối với diện tích đất 2,5m² giáp đường đal bờ kè (trong phạm vi các mốc 11, 8, 9, 11).

- Ông Nguyễn Phước V trình bày:

Năm 1993, vợ chồng ông V, bà C có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thành V2 diện tích đất 64,2m² thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 9, tọa lạc Phường A, thành phố C, đến năm 1994 ông V xây dựng nhà cấp 4. Năm 1996 được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyền sử dụng đất lần đầu, đến năm 1998 vợ chồng ông V nâng cấp nhà nên có xin phép xây dựng và đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Năm 2009, ông V và bà C làm thủ tục đăng ký đổi giấy và được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, với diện tích được cấp quyền sử dụng là 62,5m², do bị thu hồi một phần diện tích 1,7m².

Theo Quyết định số 265/QĐ-HĐBTHT&TĐC, ngày 23/6/2022 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố C, thu hồi của ông V, bà C diện tích 7,59m², trong đó diện tích trong giấy chứng nhận là 1,7m², diện tích còn lại nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng ông được cấp.

Trong diện tích đất tranh chấp 12,3m² có một phần diện tích bị thu hồi 2,5m² (trong phạm vi các mốc 11, 8, 9, 10, 11) giáp đường đal bờ kè và 1,8m² (trong phạm vi các mốc 11A, 12A, B, 8, 11A) không nằm trong quyền sử dụng đất ông V, ông không quản lý sử dụng, phần còn lại 8m² thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 9, tọa lạc P, thành phố C của ông V, bà C.

Năm 1993, khi ông V nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông V2 thì ông V có cho gia đình ông V2 sử dụng làm lối đi nhờ từ nhà ông V2 ra bờ sông C, vì khi đó ông V chưa có nhu cầu sử dụng, nay ông V có nhu cầu xây nhà rộng ra, nên ông V không đồng ý cho anh A1 được sử dụng lối đi theo yêu cầu của anh A1.

Ngoài ra, ngày 17/12/2018 anh A1 có hành vi phá hàng rào của ông V (1,2m x 1,5m), đập phá vách tường chiều ngang 0,8m, cao 1,8m, giá trị thiệt hại 2.300.000 đồng. Ngày 24/4/2019, ông V có mua vật tư và thuê thợ xây dựng, nhưng anh A1 ngăn cản không cho xây dựng thiệt hại 2.000.000 đồng. Ngày 22/5/2019, ông V thuê thợ xây lại vách tường trên, nhưng anh A1 có hành vi ngăn cản không cho xây dựng thiệt hại 2.000.000 đồng.

Theo đơn yêu cầu, ông V yêu cầu anh A1 bồi thường thiệt hại là 6.300.000 đồng. Tại phiên tòa chị Q đại diện ông V chỉ yêu cầu anh A1 bồi thường 4.191.000 đồng, và yêu cầu anh A1 di dời tài sản như thùng, ghế, bình chữa cháy trên đất tranh chấp.

- Bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông V, không đồng ý theo yêu cầu của anh A1.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày:

Năm 1993, ông Nguyễn Thành V2 và bà M1 là cha và mẹ của chị T1 có chuyển nhượng cho ông V diện tích đất ngang 4,2m, chiều dài 12,5m, thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 9, tọa lạc P, thành phố C, sau đó ông V xây dựng nhà ở, diện tích đất ông V xây nhà ở như hiện nay đúng với diện tích đất mà ông V2 chuyển nhượng cho ông V. Khi chuyển nhượng ông V2 có chừa lại lối đi ra bờ sông C, hiện đang chập giữa ông V và ông A1, lối đi có chiều ngang 1,2m nối từ cửa sau nhà anh A1 ra đường đê bờ kè (hình chữ L). Gia đình ông V2, bà M1 sử dụng lối đi này ra bờ sông để tắm, giặt. Khi ông V2 còn sống thì không đăng ký quyền sử dụng phần lối đi này, bởi ông V2 sợ những người con ông V2 tranh cãi không cho ông V sử dụng chung, sau đó ông V2 và bà M1 chết thì gia đình của chị T1 ủy quyền cho chị T1 chuyển nhượng diện tích đất còn lại của ông V2, bà M1, thuộc thửa 83 cho anh A1, chị T1 có làm “Tờ cam đoan thêm”, với nội dung là cho ông A1 được sử dụng diện tích đất làm lối đi có chiều ngang 1,2m, dài từ cửa sau nhà anh A1 đến đường đê bờ kè, phần đất này gia đình ông V2 sử dụng làm lối đi từ năm 1993 làm đến năm 2018, khi chuyển nhượng thửa 83 cho anh A1 thì bị ông Vĩnh t cản không cho anh A1 sử dụng.

Nay chị T1 không yêu cầu gì đối với diện tích đất tranh chấp 12,3m² giữa ông V với anh A1, đồng ý để cho ông A1 và ông V sử dụng làm lối đi chung.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hải V1, Bùi Thị Diệu L (ông Nguyễn Phước V đại diện) trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Nguyễn Phước V, anh V1 và chị L không yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Hồng A, đối với diện tích đất 2,5m² trong phạm vi các mốc 11, 8, 9, 10, 11 theo sơ đồ đo đạc, ngày 23/8/2022, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố C, Đồng Tháp.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Hồng A (anh Dương Minh T đại diện), yêu cầu được sử dụng lối đi thoát hiểm diện tích 3,3m² trong phạm vi các mốc 3A, 5, B, 7, 8, 11A, 12A, 3B, 3A theo sơ đồ đo đạc, ngày 23/8/2019, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tọa lạc tại Khóm A, phường A, thành phố C, Đồng Tháp.

- Buộc ông Nguyễn Phước V, bà Nguyễn Thị Kim C di dời tài sản giao cho anh Nguyễn Hồng A diện tích đất sử dụng làm lối đi thoát hiểm 1,5m² trong phạm vi các mốc 12A, 3B, 3A, 5, B, 12A theo sơ đồ đo đạc, ngày 23/8/2019, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C,

tọa lạc tại Phường A, thành phố C, Đồng Tháp (Trong diện tích đất 3,3m² nêu trên).

- Anh Nguyễn Hồng Â có trách nhiệm di dời tài sản của anh Â ra khỏi diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất của ông V, bà C.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Phước V (chị Phan Thị Thảo Q1 đại diện), yêu cầu anh Nguyễn Hồng Â bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.191.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Anh Â phải trả cho ông V số tiền 167.000 đồng.

Ngoài ra Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2022 anh Nguyễn Hồng Â kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện anh Â, không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Phước Vĩnh .

Ngày 05/10/2022 Nguyễn Phước V, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Hải V1, Bùi Thị Diệu L kháng cáo: Ông Nguyễn Phước V, bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Â về việc yêu cầu được sử dụng lối đi thoát hiểm diện tích 1,5m² trong phạm vi các mốc 12A, 3B, 3A, 5, B, 12A theo sơ đồ đo đạc ngày 23/8/2019, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ.

Xem xét lại phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá theo qui định.

Anh Nguyễn Hải V1, chị Bùi Thị Diệu L yêu cầu yêu cầu không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Â về việc yêu cầu được sử dụng lối đi thoát hiểm diện tích 1,5m² trong phạm vi các mốc 12A, 3B, 3A, 5, B, 12A theo sơ đồ đo đạc ngày 23/8/2019, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

- Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông Nguyễn Hồng Â giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Nguyễn Phước V, bà Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn Hải V1, chị Bùi Thị Diệu L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư Phạm Hoàng Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Phước V trình bày: Diện tích 1,5m² trong phạm vi các mốc 12A, 3B, 3A, 5, B, 12A theo sơ đồ đo đạc ngày 23/8/2019, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C thuộc quyền sử dụng đất của ông V, bà C quản lý, sử dụng từ năm 1993 cho đến nay thuộc thửa 81, diện tích 62,5m² được Ủy Ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 01/10/2000; anh A cho rằng diện tích tranh chấp 9,8m² là của bà T1 (con ông V2) có làm tờ cam đoan cho anh A được sử dụng làm lối đi không có sự đồng ý của ông V, bà C nên không có căn cứ; đồng thời tại biên bản hòa giải giữa ông V với anh A của Ủy Ban nhân dân phường A1 ngày 02/01/2019 xác định phần đất tranh chấp ông V được cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở, ông V đã sử dụng đúng phần đất của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng A; chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phước V, bà Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn Hải V1, chị Bùi Thị Diệu L; sửa bản án dân sự sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để giải quyết phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng phúc thẩm, Thư ký phiên tòa: Hội đồng phúc thẩm, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết phúc thẩm vụ việc.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án dân sự

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả xét xử sơ thẩm thể hiện: Bị đơn kháng cáo không đồng ý chấp nhận giao cho anh A diện tích đất 1,5m² trong phạm vi các mốc 12A, 3B, 3A, 5, 12A. Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được sử dụng lối đi có diện tích 9,8m² trong phạm vi các mốc 3, 5, B, 7, 8, 11A, 11, 12, 13 về mốc 3 và không chấp nhận yêu cầu của ông V.

Xét thấy, nguồn gốc đất đang tranh chấp là lối đi mà nguyên đơn yêu cầu được sử dụng có nguồn gốc từ ông Nguyễn Thành V2 cho ông Nguyễn Phước V và vợ là bà Nguyễn Thị Kim C sử dụng từ năm 1993 để đi xuống sông C khi vợ chồng ông V mua đất của ông V2. Trong khi đó, nguyên đơn mua đất từ chị Nguyễn Thị Ngọc T1 vào năm 2018. Diện tích đất 1,5m² trong phạm vi các mốc 12A, 3B, 3A, 5, 12A bị đơn đã sử dụng công khai liên tục từ năm 1993 đến nay gần 30

năm mà chủ đất liền kề là ông Đinh Khắc T2 không có tranh chấp lối đi. Mặt khác, theo hồ sơ xây dựng nhà, hồ sơ cấp đất cho ông V, bà C đã thể hiện diện tích đất, nhà được cấp và xây dựng có diện tích 62,50m², trong đó diện tích đất để cất nhà được cấp là 53,76m², diện tích đất còn lại có hình chữ L được thể hiện trong hồ sơ xây dựng nhà, hồ sơ cấp đất được Nhà nước cấp phép cho bị đơn là khoảng đất trống nổi dài xuống sông C. Trong khi đó theo sơ đồ đo đạc của Tòa án nhân dân Tp Cao Lãnh thể hiện diện tích đất, nhà của nguyên đơn là một hình chữ nhật, chiều ngang phía sau giáp với đất của hộ ông Đinh Khắc T2, không có thể hiện lối đi chung.

Tại biên bản hòa giải tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Phước V và ông Nguyễn Hồng Â vào ngày 02/01/2019 của UBND phường A1, thành phố C, ý kiến kết luận của các thành viên trong Hội đồng hòa giải như sau: Phần đất đang tranh chấp là lối đi có từ lâu đời nhưng phần này đã được Nhà nước cấp cho ông V sử dụng, ông Â muốn có lối đi thì thỏa thuận với ông V. Đồng thời theo công văn số 431 ngày 01/6/2023 của UBND phường A1, thành phố C phúc đáp công văn số 600 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp như sau: Phần đất có diện tích 1,5m² trong phạm vi các mốc 12A, 3B, 3A, 5, 12A là khu vực hiện trạng giữ lại hiện tại không có quy hoạch lối thoát hiểm của anh Â, hộ ông V. Từ những phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm tuyên là chưa phù hợp. Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích như trên: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Đề nghị HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm số 81 ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Hoàng Â2 là nguyên đơn, ông Nguyễn Phước V là bị đơn, bà Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn Văn Hải V3, chị Bùi Thị Diệu L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong hạn luật định được xem là hợp lệ. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2] Xét anh Nguyễn Hồng Â kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện anh Â, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước Vĩnh. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Â yêu cầu công nhận cho anh Â và ông V cùng được sử dụng diện tích 9,8m² đất trong phạm vi các mốc 3, 5, B, 7, 8, 9, 10, 11, 13 về mốc 3, theo sơ đồ đo đạc ngày 23/8/2019, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, làm lối thoát hiểm chung là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ tại Công văn số 431/UBND-HC ngày 01/6/2023 của UBND phường A1 thành phố C xác định

diện tích đất trong phạm vi các mốc 3, 5, B, 7, 8, 9, 10, 11, 13 về mốc 3 có diện tích 9,8m², trong đó có diện tích 1,5m² trong phạm vi các mốc 12A, 3B, 3A, 5, B, 12A không có quy hoạch làm lối thoát hiểm cho anh Â, hộ ông V; đồng thời, tại biên bản hòa giải tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Phước V và ông Nguyễn Hồng Â vào ngày 02/01/2019 của UBND phường A1, thành phố C kết luận của các thành viên trong Hội đồng hòa giải như sau: Phần đất đang tranh chấp là lối đi có từ lâu đời nhưng phần này đã được Nhà nước cấp cho ông V sử dụng, ông Â muốn có lối đi thì thỏa thuận với ông V. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định diện tích 9,8m² không phải là lối thoát hiểm cho anh Â, hộ ông V nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Â.

[3] Xét ông Nguyễn Phước V, bà Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn Hải V3, chị Bùi Thị Diệu L yêu cầu không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Â về việc yêu cầu được sử dụng lối thoát hiểm diện tích 1,5m² trong phạm vi các mốc 12A, 3B, 3A, 5, B, 12A theo sơ đồ đo đạc ngày 23/8/2019, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C; xem xét lại phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá theo qui định.

Hội đồng xét xử xét thấy diện tích 1,5m² hộ ông V (gồm ông Nguyễn Phước V, bà Nguyễn Thị Kim Chi Nguyễn Hải V4, chị Bùi Thị Diệu L) kháng cáo, Hội đồng xét xử xác định thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông V quản lý, sử dụng từ năm 1993 cho đến nay thuộc thửa 81, có tổng diện tích 62,5m² được Ủy Ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 01/10/2000 nên tiếp tục giao cho ông hộ ông V quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Xét bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Hồng Â, yêu cầu được sử dụng lối đi thoát hiểm diện tích 3,3m² trong phạm vi các mốc 3A, 5, B, 7, 8, 11A, 12A, 3B, 3A theo sơ đồ đo đạc, ngày 23/8/2019, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, đất tọa lạc tại Khóm A, phường A, thành phố C, Đồng Tháp. Buộc ông Nguyễn Phước V, bà Nguyễn Thị Kim C di dời tài sản giao cho anh Nguyễn Hồng Â diện tích đất sử dụng làm lối đi thoát hiểm 1,5m² trong phạm vi các mốc 12A, 3B, 3A, 5, B, 12A là không có căn cứ nên sửa bản án dân sự sơ thẩm 81/2022/DS-ST, ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[5] Xét lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng Â; chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phước V, bà Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn Hải V4, chị Bùi Thị Diệu L; sửa bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định tại chỗ, định giá theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh A không được chấp nhận nên anh A phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của hộ ông V nên hộ ông V không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hồng A.
2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước V, bà Nguyễn Thị Kim C, anh Nguyễn Hải V4, chị Bùi Thị Diệu L.
3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồng A.
5. Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Hồng A, đối với diện tích đất 2,5m² trong phạm vi các mốc 11, 8, 9, 10, 11 theo sơ đồ đo đạc, ngày 23/8/2019, thẩm định bổ sung ngày 08/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, đất tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố C, Đồng Tháp.
6. Anh Nguyễn Hồng A có nghĩa vụ di dời toàn bộ tài sản của anh A ra khỏi diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông V, bà C, anh V4, chị L.
7. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Phước V, yêu cầu anh Nguyễn Hồng A bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 2.191.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Hồng A có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Phước V số tiền 2.191.000 đồng (Hai triệu, một trăm chín mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến

khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá

- Anh Â phải chịu 4.183.000 đồng (đã tạm ứng và chi xong). Trong đó, anh Â đã tạm ứng 3.483.000 đồng, ông V đã tạm ứng 700.000 đồng nên anh Â **phải trả cho ông V số tiền 700.000 đồng đã tạm ứng trước.**

- Ông V, bà C không phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ và định giá.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Anh Â phải chịu án phí 4.029.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Â đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007045, ngày 27/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Anh Â còn phải nộp tiếp 3.729.500 đồng.

- Hoàn trả lại cho ông V, bà C 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001600, ngày 18/3/2020 và số 0004879, ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

10. Án phí dân sự phúc thẩm

Anh Nguyễn Hồng Â phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011589 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Hải V4 và chị Bùi Thị Diệu L 600.000 đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0011586; 0011587 cùng ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

11. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

12. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Nước